

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 19/ 2022/HS-ST
Ngày 25-4-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trạng;
2. Ông Bùi Minh Châu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh trí - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Thị D, sinh ngày 19/12/1991 tại H, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Nội trợ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần P, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Tuyết L, sinh năm 1972; chồng: Võ Văn C, sinh năm 1992; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; về nhân thân: Ngày 20/01/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố H tuyên xử 08 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tạm giữ: Ngày 22/12/2021; tạm giam: Từ ngày 25/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Hoàng S, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm N, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người chứng kiến*: Võ Văn M, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm N, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị D là đối tượng nghiện ma túy. Năm 2021, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp khởi tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy, bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật, trong thời gian được tại ngoại điều tra, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Cụ thể: Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 22/12/2021 Công an phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở trọ của Trần Thị D và Lê Hoàng S (sống chung như vợ chồng) thuê tại khóm N, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn Thanh T làm chủ. Qua kiểm tra, phát hiện bên trong phòng tắm có 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, viên đỏ bên trong có các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp, chưa xác định trọng lượng), được cất giấu và treo trên sợi dây phơi quần, áo nên Công an phường A tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời chuyển ngay đến Công an thành phố H giải quyết theo thẩm quyền.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, cơ quan Công an đã thu giữ 01 (Một) bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, viên đỏ bên trong có các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp, chưa xác định trọng lượng).

Qua điều tra, Trần Thị D khai nhận số ma túy trên là của D mua của 01 đối tượng lạ mặt không rõ lai lịch ở phường An Lộc, thành phố H với giá 500.000 đồng, mục đích tàng trữ sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 01/KL-KTHS ngày 23/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, một đầu có viên màu đỏ, kẹp kín được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3, 1001530 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 2,872 gam loại Methamphetamine.”

Quá trình điều tra, Trần Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSTPHN, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thị D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị D mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù bị cáo bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù; về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Hoàng S là người cùng thuê phòng trọ và sống chung với D như vợ chồng, việc D tàng trữ trái phép chất ma túy S hoàn toàn không biết nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự S với vai trò đồng phạm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Thanh T là chủ nhà trọ cho S và D thuê để ở, anh T không biết việc D tàng trữ trái phép chất ma túy sử dụng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự anh T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho D, do không xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được. Khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy liên

quan đến hành vi phạm tội của bị cáo được niêm phong trong 01 (Một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 1105 ngày 23/12/2021” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Trương Minh Vũ, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Văn Sóc và Trần Thị D.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/12/2021, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bị cáo thống nhất với nội D luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự, bản thân bị cáo trong thời gian đang chờ cơ quan chức năng điều tra, xử lý về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo lại tiếp tục có hành vi cất giấu bất hợp pháp chất ma túy để nhằm mục đích sử dụng, cụ thể là:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 22/12/2021, tại nơi ở trọ của Trần Thị D và Lê Hoàng S (sống chung như vợ chồng) tại khóm N, phường A, thành phố Hồng, tỉnh Đồng Tháp, Trần Thị D đang có hành vi cất giấu bất hợp pháp bên trong phòng tắm 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, viền đỏ bên trong có các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp, chưa xác định trọng lượng), được cất giấu và treo trên sợi dây phơi quần, áo thì bị Công an phường A, thành

phố H tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, cơ quan Công an đã thu giữ: 01 (Một) bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, viên đỏ bên trong có các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp, chưa xác định trọng lượng).

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 01/KL-KTHS ngày 23/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp, một đầu có viên màu đỏ, kẹp kín được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3, 1001530 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 2,872 gam loại Methamphetamine.”

Qua điều tra, Trần Thị D khai nhận số ma túy trên là của D mua của 01 đối tượng lạ mặt không rõ lai lịch ở phường An Lộc, thành phố H với giá 500.000 đồng, mục đích tàng trữ sử dụng.

Căn cứ lời thừa nhận của bị cáo, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/12/2021, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh Trần Thị D đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 2,872 gam loại Methamphetamine.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần thị D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

a) ...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Như chúng ta đã biết, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội rất nặng nề, nó đang làm hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, xói mòn sự tồn tại và phát triển của loài người, tàn phá cuộc sống yên vui gia đình của người sử dụng, gây tác hại trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, là nguyên

nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Hiện nay, tình trạng tàng trữ ma túy để sử dụng và mua bán trái phép trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với tính chất hết sức phức tạp. Nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo đang trong thời gian bị điều tra xử lý về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đáng ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải, ra sức lao động, học tập để có cuộc sống lành mạnh hơn, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Điều đó thể hiện bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đồng thời bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (bản thân bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đã bị nhiễm HIV), Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn mức hình phạt đã xét xử bị cáo trước đây về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với Lê Hoàng S là người cùng thuê phòng trọ và sống chung với D như vợ chồng, việc D tàng trữ trái phép chất ma túy S hoàn toàn không biết do đó không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự S với vai trò đồng phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Đối với Nguyễn Thanh T là chủ nhà trọ cho S và D thuê ở, anh T không biết việc D tàng trữ trái phép chất ma túy sử dụng do đó không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự anh T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với người thanh niên bán ma túy cho D, do không xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được. Khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với số lượng ma túy liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo được niêm phong trong 01 (Một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 1105 ngày 23/12/2021” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Trương Minh Vũ, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Văn Sóc và Trần Thị D. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội D luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù bị cáo bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 22/12/2021 và được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 03/9/2021 đến ngày 08/9/2021).

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 1105 ngày 23/12/2021” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Trương Minh Vũ, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Văn Sóc và Trần Thị D.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/3/2022).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống

